UBND TỈNH KON TUM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
CỘNG ĐỒNG KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
NGÀNH ĐÀO TẠO: GIÁO DỤC MẦM NON (PRE - SCHOOL EDUCATION)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: VỆ SINH - DINH DƯỠNG (HYGENICS - NUTRITION). Mã số: 61092010
2. Số tín chỉ: 02
3. Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ 2
4. Người lập: Nguyễn Văn Nam - Lê Thị Vân

Kon Tum, tháng 8 năm 2019

TRƯỜNG CĐCĐ KON TUM
Khoa Sư phạm

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
NGÀNH ĐÀO TẠO: GIÁO DỤC MẦM NON (PRE - SCHOOL EDUCATION)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

- **Tên học phần: VỆ SINH - DINH DƯỠNG (HYGENICS - NUTRITION).**
- **Trình độ:** Cho sinh viên năm thứ 2 Cao đẳng Giáo dục Mầm non
- **Mã học phần:** 61092010 **Số tín chỉ:** 02 **Học phần chính:** Có
- **Yêu cầu của học phần:** Bắt buộc
- **Các học phần tiên quyết:** Không.
- **Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:**

Giờ lên lớp:

Lý thuyết: 24 giờ

Thực hành: 12 giờ

Giờ chuẩn bị cá nhân:

+ Hoạt động theo nhóm: 30

+ Tự học, tự nghiên cứu: 30

- **Khoa/Bộ môn phụ trách học phần:** Khoa Sư phạm/Tổ Bộ môn Mầm non

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Kiến thức

- Hiểu và trình bày được đại cương về vi sinh vật, đặc điểm dịch tễ học và miễn dịch học; đặc điểm và ảnh hưởng của kí sinh trùng đối với vật chủ; một số khái niệm về dinh dưỡng và vai trò của dinh dưỡng đối với cơ thể.

- Phân tích được các nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường không khí, nước, đất và nguyên nhân để mất năng lượng cho cơ thể.

- Hiểu và trình bày được cách xây dựng khẩu phần và thực đơn cho trẻ ở trường mầm non; xác định được những khó khăn trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ và đề xuất biện pháp khắc phục, tình trạng sức khỏe của trẻ trong sổ theo dõi và quản lí sức khỏe trẻ em.

2.2. Kỹ năng

- Vận dụng được một số kỹ năng nghề nghiệp vào những vấn đề liên quan đến các hoạt động vệ sinh-dinh dưỡng tại trường Mầm non.

- Xây dựng được bảng khẩu phần và thực đơn cho trẻ tại trường Mầm non theo mùa.

- Xử lý tình huống trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ của giáo viên mầm non như: trẻ bị sặc (bột, cháo, nước...), bị hóc dị vật.

- Áp dụng được một số kỹ năng nghề nghiệp vào trong quá trình học và dạy sau này như: cách chăm sóc trẻ khi ăn, ngủ, sau khi đi vệ sinh…

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có ý thức và năng lực hành động trong việc bảo vệ môi trường tự nhiên, tham gia tích cực bảo vệ môi trường, đồng thời vận động những người khác cùng bảo vệ môi trường sống, môi trường trường học.

- Yêu môn học và phải có ý thức thường xuyên tích luỹ các kiến thức và tư liệu phục vụ học tập và nuôi dạy trẻ sau khi ra trường.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Vệ sinh - Dinh dưỡng thuộc khối kiến thức chuyên ngành giới thiệu các kiến thức cơ bản về các vi sinh vật và kí sinh trùng gây bệnh thường gặp ở trẻ mầm non; cách vệ sinh trường Mầm non và vệ sinh chăm sóc trẻ mầm non; dinh dưỡng học đại cương và dinh dưỡng cho trẻ nhà trẻ, mẫu giáo; giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ cho trẻ mầm non theo hướng tích hợp. Từ đó, giúp sinh viên có những định hướng phát triển nghề và cách chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non cho phù hợp.

4. Nội dung chi tiết học phần

PHẦN I. VỆ SINH

***Chương 1.* Vi sinh vật và ký sinh trùng gây bệnh thường gặp (LT: 06 giờ)**

1. Đại cương về vi sinh vật
 1.1. Vi sinh vật trong tự nhiên và trên cơ thể người
 1.2. Vi khuẩn
 1.3. Vi rút
2. Đại cương về ký sinh trùng
 2.1. Ký sinh trùng và vật chủ
 2.2. Đặc điểm của ký sinh trùng
 2.3. Ảnh hưởng của ký sinh trùng đối với vật chủ
 2.4. Bệnh ký sinh trùng
3. Đại cương về miễn dịch
 3.1. Nhiễm khuẩn
 3.2. Bệnh truyền nhiễm và các đường truyền bệnh
 3.3. Miễn dịch

***Chương 2.* Vệ sinh (LT: 07 giờ)**

1. Vệ sinh môi trường
 1.1. Vệ sinh môi trường không khí
 1.2. Vệ sinh môi trường nước
 1.3. Vệ sinh môi trường đất
2. Vệ sinh trường lớp
 2.1. Địa điểm xây dựng
 2.2. Yêu cầu vệ sinh các loại đồ dùng, dụng cụ
 2.3. Yêu cầu vệ sinh các loại đồ chơi
 2.4. Vệ sinh trường lớp
3. Vệ sinh chăm sóc trẻ
 3.1. Vệ sinh sinh hoạt
 3.2. Vệ sinh thân thể

3.3. Vệ sinh mắt, tai, mũi, họng
3.4. Vệ sinh trang phục
3.5. Giáo dục thói quen vệ sinh, văn minh cho trẻ
3.6. Yêu cầu vệ sinh đối với giáo viên và nhân viên ở trường Mầm non
3.7. Theo dõi và quản lý sức khỏe cho trẻ

PHẦN II. DINH DƯỠNG

***Chương 1.* Dinh dưỡng học đại cương (LT: 05 giờ, KT: 01 giờ)**

1. Khái niệm về dinh dưỡng và vai trò dinh dưỡng đối với sự phát triển của cơ thể
1.1. Khái niệm về dinh dưỡng
1.2. Dinh dưỡng học
1.3. Vai trò của dinh dưỡng đối với sự phát triển của cơ thể
2. Năng lượng
2.1. Nguồn cung cấp năng lượng
2.2. Sự mất nhiệt sinh lý
2.3. Vai trò của năng lượng trong cuộc sống của con người
2.4. Nhu cầu năng lượng hàng ngày và cách tính nhu cầu năng lượng cho một ngày
2.5. Hậu quả của tình trạng thừa hoặc thiếu năng lượng
3. Các chất dinh dưỡng cần thiết đối với cơ thể
3.1. Protein
3.2. Lipit
3.3. Gluxit
3.4. Vitamin
3.5. Chất khoáng
3.6. Nước

***Chương 2.* Dinh dưỡng trẻ em tuổi nhà trẻ, mẫu giáo (LT: 02 giờ, TH: 12 giờ)**

1. Vai trò quan trọng của dinh dưỡng đối với trẻ em
2. Dinh dưỡng cho trẻ em tuổi nhà trẻ, mẫu giáo
2.1. Nguyên tắc chung về dinh dưỡng cho trẻ từ 1 tháng đến 6 tuổi
2.2. Dinh dưỡng cho trẻ em dưới 12 tháng
2.3. Dinh dưỡng cho trẻ em từ 12 - 24 tháng
2.4. Dinh dưỡng cho trẻ em từ 24 - 36 tháng
2.5. Dinh dưỡng cho trẻ em từ 36 - 72 tháng (3 - 6 tuổi)
3. Xây dựng khẩu phần và thực đơn cho trẻ ở trường mầm non
3.1. Mục đích của việc xây dựng khẩu phần, thực đơn
3.2. Nguyên tắc xây dựng khẩu phần và thực đơn cho trẻ ở trường mầm non
3.3. Các bước xây dựng khẩu phần và thực đơn
3.4. Ví dụ một khẩu phần của trẻ mẫu giáo lớn tại trường bán trú
3.5. Ví dụ về thực đơn
4. Vệ sinh an toàn thực phẩm và đề phòng ngộ độc thức ăn
4.1. Một số khái niệm

4.2. Các nguyên nhân gây ngộ độc thực phẩm thường gặp
4.3. Các triệu chứng ngộ độc thức ăn và cách xử trí
4.4. Các biện pháp phòng tránh ngộ độc thực phẩm
4.5. Lời khuyên đối với việc bảo quản chế biến thức ăn hợp vệ sinh
5. Tổ chức ăn uống cho trẻ tại nhà trẻ, mẫu giáo
5.1. Lợi ích của việc tổ chức ăn tại nhà trẻ, mẫu giáo
5.2. Tổ chức cho trẻ ăn theo 3 chế độ và theo thực đơn
6. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng ở trẻ em
6.1. Các phương pháp đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em
6.2. Phương pháp nhân trắc học
6.3. Phương pháp điều tra, đánh giá khẩu phần ăn của trẻ tại các trường mầm non

***Chương 3.* Giáo dục dinh dưỡng - sức khỏe cho trẻ mầm non theo hướng tích hợp (LT: 02 giờ, KT: 01 giờ)**

1. Cơ sở lý luận của giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe đối với trẻ mầm non
1.1. Vai trò của giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe đối với trẻ mầm non
1.2. Cơ sở lý luận của giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe đối với trẻ mầm non
2. Mục tiêu và nội dung của giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe
2.1. Mục tiêu
2.2. Nội dung
3. Hình thức tổ chức giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ mầm non theo hướng tích hợp
3.1. Mạng chủ đề
3.2. Mạng hoạt động
4. Phương pháp giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ lứa tuổi mầm non
4.1. Các phương pháp giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ lứa tuổi mầm non
4.2. Kỹ năng tổ chức giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ lứa tuổi mầm non
5. Một số hoạt động giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ nhà trẻ, mẫu giáo
5.1. Một số hoạt động giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ từ 12 - 24 tháng
5.2. Một số hoạt động giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ từ 24 - 36 tháng
5.3. Một số hoạt động giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ từ 3 - 4 tuổi
5.4. Một số hoạt động giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ từ 4 - 5 tuổi
5.5. Một số hoạt động giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ từ 5 - 6 tuổi

5. Học liệu

5.1. Học liệu bắt buộc:

- ***Q1:*** Lê Thị Mai Hoa, Trần Văn Dần (2008), *Giáo trình Vệ sinh - Dinh dưỡng*, Nxb Giáo dục, có tại thư viện Trường CĐCĐ Kon Tum.

- ***Q2:*** Nguyễn Văn Nam, Lê Thị Vân (2019), *Giáo trình Vệ sinh - Dinh dưỡng*, Trường CĐCĐ Kon Tum, có tại nhóm tác giả và thư viện số Trường CĐCĐ Kon Tum.

5.2. Học liệu tham khảo:

- ***Q3:*** Nguyễn Thành Đạt (Chủ biên), Mai Thị Hằng (2007), *Giáo trình Vi sinh học*, Nxb ĐHSP Hà Nội, có tại thư viện Trường CĐCĐ Kon Tum.

- ***Q4:*** Nguyễn Thị Phong, Trần Thanh Tùng (2006), *Vệ sinh trẻ em*, Nxb ĐHQG Hà Nội, có tại thư viện Trường CĐCĐ Kon Tum.

- ***Q5:*** Vũ Ngọc Ruẩn (2005), *Dinh dưỡng học và những bệnh dinh dưỡng thông thường*, Nxb ĐHQG TP. Hồ Chí Minh, có tại GV Nguyễn Văn Nam.

- ***Q6:*** Nguyễn Kim Thanh (2005), *Giáo trình Dinh dưỡng trẻ em*, Nxb ĐHQG Hà Nội, có tại thư viện Trường CĐCĐ Kon Tum.

6. Hình thức tổ chức dạy - học

Lịch trình dạy - học

Thời gian	Nội dung	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành	Yêu cầu SV chuẩn bị trước khi đến lớp	Ghi chú
Tuần 1	**PHẦN I. VỆ SINH** ***Chương 1.* Vi sinh vật và ký sinh trùng gây bệnh thường gặp** 1. Đại cương về vi sinh vật 1.1. Vi sinh vật trong tự nhiên và trên cơ thể người 1.2. Vi khuẩn 1.3. Vi rút	**(13)** **6** 1 1				Đọc Q1, Q2, Q3. - Tìm hiểu các loại VSV trong TN và trên CT người - TLN: Hình thể, CT và sinh lí của VK-VR	GV. Nguyễn Văn Nam
Tuần 2	2. Đại cương về ký sinh trùng 2.1. Ký sinh trùng và vật chủ 2.2. Đặc điểm của ký sinh trùng 2.3. Ảnh hưởng của ký sinh trùng đối với vật chủ 2.4. Bệnh ký sinh trùng	1 1				Đọc Q1, Q2, Q3. Phân tích những ảnh hưởng của KST đối với vật chủ	
Tuần 3	3. Đại cương về miễn dịch 3.1. Nhiễm khuẩn 3.2. Bệnh truyền nhiễm và các đường truyền bệnh 3.3. Miễn dịch	1 1				Đọc Q1, Q2, Q3. Xác định những đường truyền bệnh và các bệnh truyền nhiễm ở trẻ em	
Tuần 4	***Chương 2.* Vệ sinh** 1. Vệ sinh môi trường 1.1. Vệ sinh môi trường nước 1.2. Vệ sinh môi trường không khí 1.3. Vệ sinh môi trường đất	**7** 1 1				Đọc Q1, Q2, Q4. TLN: nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường không khí, nước, đất	GV. Lê Thị Vân
Tuần	2. Vệ sinh trường lớp					Đọc Q1, Q2,	

5	2.1. Địa điểm xây dựng 2.2. Yêu cầu vệ sinh các loại đồ dùng, dụng cụ 2.3. Yêu cầu vệ sinh các loại đồ chơi 2.4. Vệ sinh trường lớp	1 1				Q4. Phân tích cách chọn địa điểm xây dựng trường MN	
Tuần 6	3. Vệ sinh chăm sóc trẻ 3.1. Vệ sinh sinh hoạt 3.2. Vệ sinh thân thể 3.3. Vệ sinh mắt, tai, mũi, họng 3.4. Vệ sinh trang phục 3.5. Giáo dục thói quen vệ sinh, văn minh cho trẻ 3.6. Yêu cầu vệ sinh đối với giáo viên và nhân viên ở trường Mầm non 3.7. Theo dõi và quản lý sức khỏe cho trẻ	1 1 1				Đọc Q1, Q2, Q4. - Phân tích các yêu cầu về vệ sinh chăm sóc trẻ trường MN - Xác định cách theo dõi và quản lý sức khỏe cho trẻ MN	
Tuần 7	**Phần II. Dinh dưỡng** ***Chương 1.* Dinh dưỡng học đại cương** 1. Khái niệm về dinh dưỡng và vai trò dinh dưỡng đối với sự phát triển của cơ thể 1.1. Khái niệm về dinh dưỡng 1.2. Dinh dưỡng học 1.3. Vai trò của dinh dưỡng đối với sự phát triển của cơ thể 2. Năng lượng 2.1. Nguồn cung cấp năng lượng 2.2. Sự mất nhiệt sinh lý 2.3. Vai trò của năng lượng trong cuộc sống của con người 2.4. Nhu cầu năng lượng hàng ngày và cách tính nhu cầu năng lượng cho một ngày 2.5. Hậu quả của tình trạng thừa hoặc thiếu năng lượng	**(11)** **6** 1 1			**(12)**	Đọc Q1, Q2, Q5. - Trình bày vai trò của dinh dưỡng đối với sự phát triển cơ thể trẻ - Xác định các nguồn cung cấp năng lượng, vai trò của năng lượng và cách xác định nhu cầu năng lượng đối với cơ thể	GV. Nguyễn Văn Nam
Tuần 8	3. Các chất dinh dưỡng cần thiết đối với cơ thể 3.1. Protein	 1				Đọc Q1, Q2, Q5. Phân tích vai trò	

	3.2. Lipit 3.3. Gluxit 3.4. Vitamin	1				của các chất DD và hậu quả của việc thừa hoặc thiếu	
Tuần 9	3.5. Chất khoáng 3.6. Nước **Thi giữa học phần**	1 1				Đọc Q1, Q2, Q5. Phân tích vai trò của các chất DD và hậu quả của việc thừa hoặc thiếu	
Tuần 10	***Chương 2.* Dinh dưỡng trẻ em tuổi nhà trẻ, mẫu giáo** 1. Vai trò quan trọng của dinh dưỡng đối với trẻ em 2. Dinh dưỡng cho trẻ em tuổi nhà trẻ, mẫu giáo 2.1. Nguyên tắc chung về dinh dưỡng cho trẻ từ 1 tháng đến 6 tuổi 2.2. Dinh dưỡng cho trẻ em dưới 12 tháng 2.3. Dinh dưỡng cho trẻ em từ 12 - 24 tháng 2.4. Dinh dưỡng cho trẻ em từ 24 - 36 tháng 2.5. Dinh dưỡng cho trẻ em từ 36 - 72 tháng (3 - 6 tuổi) 3. Xây dựng khẩu phần và thực đơn cho trẻ ở trường mầm non 3.1. Mục đích của việc xây dựng khẩu phần, thực đơn 3.2. Nguyên tắc xây dựng khẩu phần và thực đơn cho trẻ ở trường mầm non 3.3. Các bước xây dựng khẩu phần và thực đơn 3.4. Ví dụ một khẩu phần của trẻ mẫu giáo lớn tại trường bán trú 3.5. Ví dụ về thực đơn 4. Vệ sinh an toàn thực phẩm và đề phòng ngộ độc thức ăn	**2** 1 1				Đọc Q1, Q2, Q6. - Cách xây dựng khẩu phần và thực đơn cho trẻ NT-MN - Thảo luận nhóm về cách tổ chức ăn uống cho trẻ tại trường MN	GV. Lê Thị Vân

	4.1. Một số khái niệm 4.2. Các nguyên nhân gây ngộ độc thực phẩm thường gặp 4.3. Các triệu chứng ngộ độc thức ăn và cách xử trí 4.4. Các biện pháp phòng tránh ngộ độc thực phẩm 4.5. Lời khuyên đối với việc bảo quản chế biến thức ăn hợp vệ sinh 5. Tổ chức ăn uống cho trẻ tại nhà trẻ, mẫu giáo 5.1. Lợi ích của việc tổ chức ăn tại nhà trẻ, mẫu giáo 5.2. Tổ chức cho trẻ ăn theo 3 chế độ và theo thực đơn 6. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng ở trẻ em 6.1. Các phương pháp đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em 6.2. Phương pháp nhân trắc học 6.3. Phương pháp điều tra, đánh giá khẩu phần ăn của trẻ tại các trường mầm non						
Tuần 11	Thực hành: Tham quan trường Mầm non				3	Đọc Q1, Q2, Q6. Xác định các công việc của bài thực hành	
Tuần 12	Thực hành: Xây dựng khẩu phần và thực đơn cho trẻ mầm non				3	Đọc Q1, Q2, Q6. Xác định các công việc của bài thực hành	
Tuần 13	Thực hành: Pha sữa các loại, nước hoa quả, sữa đậu nành				3	Đọc Q1, Q2, Q6. Xác định các công việc của bài thực hành	
Tuần 14	Thực hành: Chế biến một số món ăn cho trẻ mầm non				3	Đọc Q1, Q2, Q6. Xác định các	

						công việc của bài thực hành	
Tuần 15	***Chương 3.*** **Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ mầm non theo hướng tích hợp** 1. Cơ sở lý luận của giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe đối với trẻ mầm non 1.1. Vai trò của giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe đối với trẻ mầm non 1.2. Cơ sở lý luận của giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe đối với trẻ mầm non 2. Mục tiêu và nội dung của giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe 2.1. Mục tiêu 2.2. Nội dung 3. Hình thức tổ chức giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ mầm non theo hướng tích hợp 3.1. Mạng chủ đề 3.2. Mạng hoạt động 4. Phương pháp giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ lứa tuổi mầm non 4.1. Các phương pháp giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ lứa tuổi mầm non 4.2. Kỹ năng tổ chức giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ lứa tuổi mầm non 5. Một số hoạt động giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ nhà trẻ, mẫu giáo 5.1. Một số hoạt động giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ từ 12 - 24 tháng 5.2. Một số hoạt động giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ từ 24 - 36 tháng 5.3. Một số hoạt động giáo dục	**3** 1 1				Đọc Q1, Q2, Q6. - Nêu các hình thức tổ chức giáo dục DD cho trẻ MN theo hướng tích hợp - Xác định các hoạt động giáo dục sức khỏe cho trẻ MN	

	dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ từ 3 - 4 tuổi 5.4. Một số hoạt động giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ từ 4 - 5 tuổi 5.5. Một số hoạt động giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe cho trẻ từ 5 - 6 tuổi **Kiểm tra thường xuyên**	**1**					
Tổng số tiết thực dạy		**24**			**12**		

7. Chính sách đối với học phần và những yêu cầu khác của giảng viên

- Cho phép làm lại bài kiểm tra không quá 1 lần (trong trường hợp SV vắng học có lý do), SV vắng bài kiểm tra không có lý do thì bị điểm 0 cho bài kiểm tra đó.

- Dự lớp học ít nhất 80% của 02 tín chỉ.

- Hoàn thành đầy đủ các bài tập thực hành, câu hỏi chuẩn bị thảo luận tập thể.

- Nghiên cứu Giáo trình Vệ sinh - Dinh dưỡng và các phương tiện khác khi GV yêu cầu.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập học phần

8.1. Điểm thường xuyên (ĐTX): *Trọng số* 0,3

- Kiểm tra thường xuyên: *số bài:* 02 (hệ số 1)*; hình thức:* 01 bài kiểm tra tự luận, thời gian 45 phút.

- Thi giữa học phần: *số bài:* 01 (hệ số 2)*; hình thức:* Tự luận*; thời gian:* 45 phút.

8.2. Điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận (ĐTĐ): *Trọng số* 0,1

- Tham gia học tập trên lớp: đi đầy đủ, chuẩn bị bài tốt, tích cực thảo luận.

- Phần tự học: hoàn thành tốt nội dung và nhiệm vụ mà GV giao cho cá nhân hoặc nhóm.

8.3. Điểm thi kết thúc học phần: *Trọng số* 0,6

- 01 bài thi: *hình thức:* Tự luận*; thời gian:* 60 phút

- Những SV làm BTL không phải dự thi kết thúc học phần, trường hợp này điểm BTL có trọng số 0,8 và thay thế cho ĐTHP, ĐTX có trọng số 0,1 và ĐTĐ có trọng số 0,1

8.4. Lịch trình kiểm tra giữa kỳ, thi cuối kỳ, thi lần 2:

- Kiểm tra giữa kỳ: Tuần thứ 9

- Thi cuối kỳ: Sau tuần thứ 15

- Thi lần 2: Sau tuần thứ 20

9. Thông tin về giảng viên

1. Họ và tên: ***Nguyễn Văn Nam***. Học vị: *Thạc sĩ*

- Thời gian, địa điểm làm việc: *Làm việc trong giờ hành chính tại phòng NCKH&HTQT và giảng dạy theo TKB được phân công tại Trường CĐCĐ Kon Tum.*

- Địa chỉ liên hệ: *Phòng NCKH&HTQT - Trường CĐCĐ Kon Tum*

- Điện thoại: CQ: *0260.3864083*. DĐ: *0905314155*

- E-mail: *nguyennam767@gmail.com* hoặc *nguyenvannam_ktn.c36@moet.edu.vn*

- Các hướng nghiên cứu chính: *Sinh thái học và Môi trường; Vi sinh vật học.*

- Hướng nghiên cứu tương lai: *Sinh thái học và Môi trường.*

2. Họ và tên: ***Lê Thị Vân***. Học vị: *Cử nhân*

- Thời gian, địa điểm làm việc: *Làm việc trong giờ hành chính tại phòng TCCB-CTHSSV và giảng dạy theo TKB được phân công tại Trường CĐCĐ Kon Tum.*

- Địa chỉ liên hệ: *Phòng TCCB-CTHSSV - Trường CĐCĐ Kon Tum*

- Điện thoại: CQ: *0260.3869865*. DĐ: *0903555789*

- E-mail: *haivan@gmail.com*

- Hướng nghiên cứu chính: *Vệ sinh-Dinh dưỡng.*

Kon Tum, ngày 08 tháng 08 năm 2019

Trưởng bộ môn	**Trưởng khoa**	**Giảng viên**
Nguyễn Thị Anh Đài		***Nguyễn Văn Nam - Lê Thị Vân***

DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG